

Số: 521/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ để triển khai Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” như trong Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

- Các cơ quan, đơn vị có tên ở Điều 1, căn cứ vào nhiệm vụ được giao, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, nghiên cứu, đề xuất các nội dung nhiệm vụ, dự án cụ thể cần triển khai hàng năm, gửi Vụ Công nghệ thông tin tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt.

- Vụ Công nghệ thông tin có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị liên quan đề xuất các nhiệm vụ, dự án cụ thể, và tổng hợp các đề xuất, trình Lãnh đạo Bộ và Bộ trưởng xem xét ra Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư triển khai các nhiệm vụ cụ thể theo từng năm hoặc từng giai đoạn.

- Vụ Kế hoạch – Tài chính phối hợp với Vụ Công nghệ thông tin làm việc với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để đảm bảo bổ sung, phân bổ đủ kinh phí hàng năm nhằm triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc Đề án một cách có hiệu quả.

- Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cung cấp Bản Đề án đầy đủ đã được phê duyệt cho các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có tên trong Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PTTg CP Nguyễn Thiện Nhân (để b/c);
- Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, CNTT.

BỘ TRƯỞNG

Lê Doãn Hợp

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN
ĐƯA VIỆT NAM SỚM TRỞ THÀNH NƯỚC MẠNH VỀ CNTT-TT
(kèm theo Quyết định số 521 /QĐ-BTTTT ngày 15/4/2011
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	LÃNH ĐẠO BỘ PHỤ TRÁCH
1.	Nhiệm vụ 1: Phát triển nguồn nhân lực CNTT			
1	Phối hợp với Bộ GDĐT và các bộ ngành liên quan để: - Ưu tiên nguồn lực nhằm đẩy mạnh triển khai kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ. - Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, tạo cơ chế đặc thù để tăng quyền tự chủ cho một số cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm về CNTT.	Vụ TCCB	Vụ CNTT; Vụ KHTC	Thứ trưởng Trần Đức Lai
1 2	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nhằm tăng cường khả năng thông tin, dự báo và định hướng phát triển nguồn nhân lực CNTT Việt Nam theo nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.	Vụ TCCB	Vụ CNTT; Viện CLTTTT	Thứ trưởng Trần Đức Lai
1 3	Xây dựng và triển khai chuẩn kỹ năng CNTT; Xây dựng Trung tâm phát triển nhân lực CNTT chất lượng cao; Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng nâng cao cho nhân lực CNTT.	Vụ CNTT	Vụ TCCB; Viện CNPM&NDS; Trường CĐVH	Thứ trưởng Trần Đức Lai
1 4	Tăng cường đào tạo kỹ năng sử dụng CNTT trong xã hội, góp phần nâng cao dân trí.	Vụ CNTT	Vụ TCCB; Cục UDCNTT; Trường ĐTBĐ	Thứ trưởng Trần Đức Lai

1 5	Xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp nhằm khuyến khích việc giảng dạy bằng tiếng Anh đối với các sinh viên CNTT trong các trường đại học; Đào tạo nhân lực bậc cao có kỹ năng sử dụng CNTT trong các ngành công nghiệp.	Vụ TCCB	Vụ CNTT; Trường CĐVH	Thứ trưởng Trần Đức Lai
1 6	Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để mở rộng loại hình đào tạo trực tuyến trên cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng.	Vụ CNTT	Vụ VT; Trường CĐVH; VTC	Thứ trưởng Trần Đức Lai
2.	Nhiệm vụ 2: Phát triển công nghiệp CNTT			
2 1	Phối hợp với các bộ ngành liên quan để: - Ưu tiên nguồn lực để triển khai các chương trình phát triển công nghiệp CNTT, công nghiệp phần mềm và nội dung số, công nghiệp phần cứng, điện tử và dịch vụ CNTT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Tăng cường nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác (ODA, Quỹ DVVTCI ...) cho các chương trình, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.	Vụ KHTC	Vụ CNTT; Vụ KHCN; Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Trần Đức Lai
2 2	Tăng cường xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh phát triển thị trường CNTT-TT trong nước và quốc tế.	Vụ CNTT	Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
2 3	Nâng cao năng lực hoạt động và sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp CNTT-TT; xây dựng thương hiệu Việt Nam về CNTT.	Viện CNPM&NDS	Vụ CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
2	Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, đầu tư của các	Vụ HTQT	Vụ CNTT; Vụ KHTC	Thứ trưởng

	tập đoàn đa quốc gia vào lĩnh vực CNTT-TT.			Nguyễn Thành Hưng
2 5	Đẩy mạnh đầu tư phát triển các khu CNTT tập trung, các vườn ươm doanh nghiệp, các trung tâm cung cấp dịch vụ CNTT, các lĩnh vực công nghệ, sản phẩm mới, các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao.	Vụ CNTT	Vụ KHTC; Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
2 6	Xây dựng cơ chế chính sách để ưu tiên, chỉ định các doanh nghiệp CNTT-TT chủ đạo của Việt Nam được làm tổng thầu thực hiện các dự án CNTT-TT lớn dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.	Vụ CNTT	Cục UDCNTT; Vụ KHTC	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
2 7	Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông chủ đạo tăng cường đầu tư cho phát triển công nghiệp CNTT để tăng tỷ trọng doanh thu công nghiệp CNTT trong tổng doanh thu của các doanh nghiệp.	Vụ CNTT	Vụ KHTC; Vụ VT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
2 8	Nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp nhằm thúc đẩy, hỗ trợ sản xuất và ưu tiên sử dụng các sản phẩm CNTT-TT sản xuất trong nước.	Vụ CNTT	Vụ KHCN; Viện CNPM&NDS;	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
2 9	Xây dựng và triển khai các chương trình phát triển công nghiệp CNTT giai đoạn 2011 - 2020, tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý và các cơ chế chính sách mang tính đột phá cho phát triển công nghiệp CNTT, phát triển dịch vụ điện toán đám mây, phát triển CNTT xanh (Green IT) tại Việt Nam.	Vụ CNTT	Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
3.	Nhiệm vụ 3: Phát triển và hoàn thiện hạ tầng viễn thông và CNTT			

3 1	Xây dựng và triển khai chương trình phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng; Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, xây dựng và mở rộng mạng băng rộng đến các xã, phường, thôn, bản trên cả nước phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân và công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước.	Vụ VT	Cục TS VTĐ; Quỹ DVVTCI; Các doanh nghiệp viễn thông	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
3 2	Thực hiện cấp quang hoá và ngầm hoá các đường cáp để bảo đảm chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị, đặc biệt là dọc các tuyến đường, phố chính tại các trung tâm đô thị lớn.	Vụ VT	Các doanh nghiệp viễn thông	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
3 3	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia (theo Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).	VNCERT	Vụ CNTT; Vụ VT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
3 4	Phát triển các điểm truy cập công cộng tại các địa điểm thích hợp với từng địa phương, cơ sở như: các trường học, nhà văn hoá xã, đồn biên phòng, điểm bưu điện - văn hoá xã và các trung tâm giáo dục cộng đồng,... để lắp đặt thiết bị nhằm thu hút và tạo điều kiện tốt nhất cho người dân có thể khai thác, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ điện thoại cố định và truy cập Internet.	Vụ VT	Vụ BC; Quỹ DVVTCI; Các doanh nghiệp viễn thông	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
3 5	Tiếp tục mở rộng băng thông Internet trong nước và quốc tế thoả mãn nhu cầu của xã hội.	VNNIC	Vụ VT; Các doanh nghiệp viễn thông	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
3	Triển khai mạng thông tin di động 3G và các thế hệ tiếp	Vụ VT	Cục TS VTĐ; Các doanh	Thứ trưởng

	theo.		nghiệp viễn thông	Lê Nam Thắng
3 . 7 .	Quy hoạch băng tần và cấp phép tần số để phát triển các hệ thống truy cập băng rộng vô tuyến.	Cục TS VTĐ	Vụ VT; Viện CLTTTT	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
3 . 8 .	Thực hiện lộ trình số hoá truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất.	Cục QL PTTH&TTĐT	Vụ VT; Cục TS VTĐ; Các đài PTTH địa phương	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
3 . 9 .	Phóng thêm các vệ tinh Vinasat mới, đầu tư nâng cấp và xây dựng các tuyến cáp quang mặt đất và cáp quang biển mới.	Vụ VT	Cục TS VTĐ; Các doanh nghiệp hạ tầng viễn thông	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
3 . 1 0 .	Tiếp tục triển khai mạng viễn thông dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước đến cấp xã, phường nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt phục vụ phát triển mọi dịch vụ theo yêu cầu.	Vụ VT	Cục UDCNTT; Các doanh nghiệp hạ tầng viễn thông	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
3 . 1 1 .	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.	Cục UDCNTT	Vụ CNTT; Viện CLTTTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
3 . 1 2 .	Triển khai xây dựng Trung tâm kỹ thuật an toàn mạng quốc gia; nghiên cứu khảo sát và đánh giá về an toàn thông tin, triển khai hệ thống cảnh báo, phát hiện và phòng chống tội phạm trên mạng, hệ thống chống thư rác điện tử.	VNCERT	Vụ CNTT; Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
3 . 1 3	Tăng cường đào tạo chuyên gia an toàn thông tin cho cơ quan Chính phủ và các cơ quan thông tin trọng yếu quốc	VNCERT	Vụ CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng

	gia.			
4.	Nhiệm vụ 4: Xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ phù hợp để phổ cập thông tin đến các hộ gia đình			
4 . 1 .	Mở rộng phạm vi hoạt động của Quỹ dịch vụ viễn thông công ích để xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ phù hợp để phổ cập thông tin đến các hộ gia đình.	Vụ KHTC	Vụ CNTT; Quỹ DVVTCI	Thứ trưởng Trần Đức Lai
4 . 2 .	Tăng cường năng lực cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở.	Vụ TCCB	Cục QL PTTH&TTĐT; Vụ CNTT	Thứ trưởng Trần Đức Lai
4 . 3 .	Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo.	Cục QL PTTH&TTĐT	Vụ CNTT; Cục BC; Cục TTĐN; Trung tâm TT	Thứ trưởng Đỗ Quý Doãn
4 . 4 .	Tăng cường cơ sở vật chất cho các đài phát thanh truyền hình và các hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở.	Vụ KHTC	Vụ CNTT; Cục QL PTTH&TTĐT	Thứ trưởng Trần Đức Lai
4 . 5 .	Xây dựng và triển khai chương trình đưa thiết bị thông tin số đến hộ gia đình; hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu, sản xuất, trang bị các thiết bị thông tin số cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người cao tuổi, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo.	Vụ CNTT	Vụ KHTC; Vụ KHCHN; Cục TS VTĐ; Quỹ DVVTCI	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
5.	Nhiệm vụ 5: Ứng dụng hiệu quả CNTT trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội			
5 . 1	Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin	Cục UĐCNTT	Trung tâm TT; Vụ CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng

	trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2020; Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước và trong doanh nghiệp theo các Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg, số 48/2009/QĐ-TTg, số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 và số 191/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.			
5 . 2 .	Triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước bảo đảm việc chỉ đạo điều hành thông suốt từ Trung ương đến các quận, huyện, xã, phường trên toàn quốc, bao gồm các việc: phổ biến các mô hình điểm và triển khai các hệ thống quản lý văn bản tích hợp.	Cục UĐCNTT	Vụ CNTT; Viện CLTTTT; Các đơn vị liên quan	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
5 . 3 .	Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin phục vụ ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.	VNCERT	Vụ VT; Vụ CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
5 . 4 .	Triển khai các chương trình, đề án, dự án và các cơ chế chính sách đẩy mạnh đầu tư ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp.	Cục UĐCNTT	Vụ CNTT; Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
5 . 5 .	Triển khai các đề án, dự án nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho các tầng lớp nhân dân trong toàn xã hội.	Cục UĐCNTT	Vụ CNTT; Quỹ DVVTCI;	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
5 . 6 .	Đề xuất và triển khai các giải pháp xây dựng và thúc đẩy phát triển mạng xã hội Việt Nam.	Vụ CNTT	Cục QL PTHH& TTĐT; VTC	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
6.	Nhiệm vụ 6: Tăng cường năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, làm chủ và từng bước sáng tạo ra công nghệ cho chế tạo sản phẩm mới			

6 1 .	Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng chương trình tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, sáng tạo công nghệ trong lĩnh vực CNTT-TT; Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn về CNTT-TT.	Vụ KHCN	Vụ CNTT; Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
6 2 .	Nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển về CNTT của các cơ sở nghiên cứu đào tạo và của các doanh nghiệp.	Vụ KHCN	Vụ CNTT; Các viện chuyên ngành và các doanh nghiệp VT, CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
6 3 .	Đề xuất và triển khai các giải pháp xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung trên cả nước về công nghệ chip, công nghệ cảm biến, phần mềm lõi, phần mềm nguồn mở, phần mềm nhúng, nội dung số, xử lý tiếng Việt, an toàn thông tin.	Vụ KHCN	Vụ CNTT; Các viện chuyên ngành và các doanh nghiệp VT, CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Thành Hưng
6 4 .	Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nhằm đề xuất và triển khai các giải pháp ưu tiên đầu tư nghiên cứu sáng tạo, mua hoặc chuyển giao công nghệ mới nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ CNTT-TT Việt Nam có khả năng cạnh tranh và xuất khẩu cao như các thiết bị thông minh, các phần mềm nhúng, các thiết bị tiết kiệm điện...	Vụ KHCN	Vụ KHTC; Vụ CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Thành Hưng
6 5 .	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế hỗ trợ, đầu tư cho các doanh nghiệp lớn về CNTT-TT của Việt Nam tham gia nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.	Viện CNPM&NDS	Vụ CNTT; Vụ KHCN; Vụ KHTC;	Thứ trưởng Nguyễn Thành Hưng
6 6 .	Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ để phát triển các phần mềm nền tảng, phần mềm lõi có khả năng thương	Viện CNPM&NDS	Vụ CNTT; Vụ KHCN	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng

	mại hoá cao.			
6 . 7 .	Đề xuất và triển khai các giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp, nghiên cứu sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu thị trường ở Việt Nam.	Vụ CNTT	Viện CNPM&NDS; Vụ KHCN	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
7.	Nhiệm vụ 7: Triển khai các giải pháp			
7 . 1 .	Điều phối, xây dựng kế hoạch, cung cấp nội dung, định hướng, xây dựng các tài liệu, tờ rơi tuyên truyền, phối hợp và huy động các nguồn lực cho công tác thông tin, tuyên truyền về Đề án ở trong và ngoài nước.	Vụ CNTT	Trung tâm TT; Cục BC; Cục TTĐN; Cục QL PTTH&TTĐT; VTC	Thứ trưởng Đỗ Quý Doãn
7 . 2 .	Đề xuất và triển khai các nhiệm vụ cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về Đề án nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ của Đề án, phát huy trí tuệ toàn dân, kêu gọi mọi thành phần xã hội tham gia vào triển khai thực hiện Đề án.	Trung tâm TT	Vụ CNTT; Cục BC; Cục TTĐN; Cục QL PTTH&TTĐT; VTC	Thứ trưởng Đỗ Quý Doãn
7 . 3 .	Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về Đề án và ngành CNTT-TT Việt Nam ra nước ngoài nhằm quảng bá hình ảnh, thương hiệu CNTT-TT Việt Nam.	Cục TTĐN	Vụ CNTT; Vụ HTQT; Cục BC; Cục QL; PTTH&TTĐT	Thứ trưởng Đỗ Quý Doãn
7 . 4 .	Tổ chức các hội nghị, hội thảo để tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức, phối hợp, triển khai, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án.	Vụ CNTT	Cục BC; Cục QL; PTTH&TTĐT; Cục TTĐN; Các đơn vị liên quan	Các Thứ trưởng: Lê Nam Thắng; Trần Đức Lai; Đỗ Quý Doãn; Nguyễn Minh Hồng; Nguyễn Thành Hưng

7 5 .	Nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao văn hóa khai thác và sử dụng CNTT từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp phần hình thành xã hội văn minh, bảo đảm an toàn, an ninh cho mọi người sử dụng CNTT.	Trung tâm TT	Cục UDCNTT; Cục BC; Cục QL PTTH&TTĐT Vụ CNTT	Thứ trưởng Đỗ Quý Doãn
7 6 .	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng, phát triển và khai thác hạ tầng viễn thông băng rộng.	Vụ VT	Vụ KHTC; Vụ CNTT; Viện CLTTTT	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
7 7 .	Phối hợp với các bộ ngành liên quan để triển khai các giải pháp dùng chung các công trình công cộng, điện lực, cấp thoát nước, giao thông để ngầm hoá các mạng cáp thông tin, cáp truyền hình; tăng cường sự hợp tác giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm sử dụng chung một phần mạng lưới, công trình, thiết bị viễn thông, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong việc thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ CNTT-TT.	Vụ VT	Các doanh nghiệp VT và CNTT	Thứ trưởng Lê Nam Thắng
7 8 .	Nghiên cứu các giải pháp, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh việc đầu tư của Nhà nước đối với các chương trình, dự án ứng dụng và phát triển CNTT.	Vụ KHTC	Vụ CNTT; Vụ VT; Vụ KHCN; Cục UDCNTT; Viện CLTTTT; VNCERT	Thứ trưởng Trần Đức Lai
7 9 .	Xây dựng thương hiệu CNTT-TT Việt Nam thông qua việc hỗ trợ một số tập đoàn mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ CNTT-TT có hàm lượng sáng tạo ngày càng cao, có khả năng chiếm	Vụ CNTT	Vụ VT; Vụ KHTC; Các doanh nghiệp CNTT-TT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng

	lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu ra thị trường quốc tế.			
7 1 0	Nghiên cứu xây dựng các văn bản pháp luật trong lĩnh vực CNTT-TT để phát huy nội lực, thúc đẩy cạnh tranh, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư phát triển.	Vụ CNTT	Vụ KHTC; Vụ VT; Viện CLTTTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
7 1 1	Bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý đầu tư phù hợp với đặc thù của lĩnh vực CNTT-TT.	Vụ KHTC	Vụ CNTT; Cục UDCNTT; Viện CLTTTT;	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
7 1 2	Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách nhằm tạo môi trường pháp lý thông thoáng và thuận lợi cho việc đầu tư ra nước ngoài của các tập đoàn, doanh nghiệp chủ đạo về CNTT-TT của Việt Nam.	Vụ KHTC	Vụ HTQT; Vụ CNTT; Vụ VT;	Thứ trưởng Trần Đức Lai
7 1 3	Nghiên cứu xây dựng chính sách bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm CNTT để bảo vệ quyền lợi và khuyến khích các doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm mới.	Vụ KHCV	Vụ CNTT; Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Nguyễn Thành Hưng
7 1 4	Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ, tiếp thị, sử dụng các sản phẩm của Việt Nam trong các dự án ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách nhà nước.	Vụ CNTT	Vụ KHTC; Cục UDCNTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
7 1 5	Nghiên cứu xây dựng chính sách ưu đãi cao nhất về đầu tư đối với các dự án phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng tới các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các dự án xây dựng	Vụ VT	Vụ KHTC; Vụ CNTT	Thứ trưởng Lê Nam Thắng

	các khu CNTT tập trung.			
7 . 1 6 .	Nghiên cứu xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình phát triển ứng dụng CNTT trong đời sống xã hội, trong cơ quan nhà nước, cung cấp thông tin và dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp trên cơ sở hợp tác giữa Chính phủ và doanh nghiệp.	Cục UDCNTT	Vụ CNTT; Vụ KHTC	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
7 . 1 7 .	Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế đối với lĩnh vực CNTT-TT trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hướng áp dụng mức ưu tiên, ưu đãi cao nhất của Luật Công nghệ cao về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với các hoạt động CNTT-TT bao gồm cả hoạt động đầu tư, xây dựng và sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ CNTT.	Vụ CNTT	Vụ KHTC	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
7 . 1 8 .	Thực hiện đa dạng hoá các nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động CNTT-TT như: vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA, vốn tín dụng, các nguồn vốn doanh nghiệp và xã hội.	Vụ KHTC	Vụ CNTT; Quỹ DVVTCl;	Thứ trưởng Trần Đức Lai
7 . 1 9 .	Nghiên cứu đề xuất và trình phê duyệt quy chế cho phép sử dụng nguồn kinh phí đầu giá tần số, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích và các nguồn thu khác của Bộ TTTT để triển khai thực hiện Đề án, đặc biệt là tái đầu tư phát triển nguồn nhân lực và công	Vụ KHTC	Vụ CNTT; Quỹ DVVTCl;	Thứ trưởng Trần Đức Lai

	ngành CNTT-TT.			
7 . 2 0 .	Nghiên cứu xây dựng chính sách về đất đai, địa điểm: thực hiện miễn, giảm tiền giao đất, tiền thuê sử dụng đất xây dựng hạ tầng viễn thông, CNTT nhất là tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; ưu tiên lựa chọn, bố trí đất sạch có vị trí và diện tích thuận lợi phù hợp với yêu cầu xây dựng khu CNTT tập trung nhằm thu hút mạnh mẽ đầu tư và nguồn nhân lực trình độ cao theo quy định của pháp luật.	Viện CLTTTT	Vụ CNTT; Vụ KHTC; Các đơn vị liên quan	Thứ trưởng Trần Đức Lai
7 . 2 1 .	Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực CNTT-TT, phối hợp trao đổi, đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ và quản lý CNTT-TT. Tham gia các dự án về CNTT-TT của khu vực, liên khu vực và quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học nước ngoài trong lĩnh vực CNTT-TT làm việc cho Việt Nam.	Vụ HTQT	Vụ CNTT; Vụ KHCCN; Viện CNPM&NDS	Thứ trưởng Nguyễn Thành Hưng
7 . 2 2 .	Tranh thủ hợp tác quốc tế để huy động các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn ODA, nhằm đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước và phát triển hạ tầng viễn thông tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo.	Vụ HTQT	Cục UDCNTT; Vụ CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Thành Hưng
7 . 2 3 .	Đề xuất và thực hiện các giải pháp để sáp nhập hoặc mua lại các công ty CNTT-TT để hình thành các tập đoàn mạnh nhằm tăng sức cạnh tranh và tạo đột phá về thương hiệu.	Vụ VT	Vụ CNTT; Cục TS VTĐ; Các đơn vị liên quan	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng

7 . 2 4 .	Hoàn thiện môi trường pháp lý và cơ chế chính sách về an toàn thông tin.	Vụ CNTT	VNCERT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
7 . 2 5 .	Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí và triển khai xem xét, thẩm định đánh giá các sản phẩm CNTT-TT đáp ứng được yêu cầu về tính năng, chất lượng, an toàn an ninh để sử dụng trong các cơ quan nhà nước.	Vụ CNTT	VNCERT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
8.	Nhiệm vụ 8: Tổ chức, điều phối chương trình			
8 . 1 .	Xây dựng các kế hoạch chi tiết, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ triển khai Đề án.	Vụ CNTT	Các đơn vị liên quan	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
8 . 2 .	Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực điều phối triển khai Đề án. Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả triển khai Đề án.	Vụ CNTT	Các đơn vị liên quan	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
8 . 3 .	Bổ sung nhân sự cho Văn phòng Ban chỉ đạo QG về CNTT - Vụ CNTT để thực hiện nhiệm vụ thường trực triển khai Đề án.	Vụ TCCB	Vụ CNTT	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng
8 . 4 .	Bố trí, đảm bảo kinh phí để triển khai thực hiện Đề án.	Vụ KHTC	Vụ CNTT	Thứ trưởng Trần Đức Lai
8 . 5 .	Tổng hợp, xem xét, thẩm định các nội dung chương trình, dự án do các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề xuất để trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt.	Vụ CNTT	Vụ KHTC	Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng

Chú thích:

Giải nghĩa một số từ viết tắt sử dụng trong Quyết định này:

TT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1.	Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục Đào tạo
2.	CNTT	Công nghệ thông tin
3.	CNTT-TT	Công nghệ thông tin và truyền thông
4.	Vụ BC	Vụ Bru chính
5.	Vụ VT	Vụ Viễn thông
6.	Vụ CNTT	Vụ Công nghệ thông tin
7.	Vụ KHCN	Vụ Khoa học và Công nghệ
8.	Vụ KHTC	Vụ Kế hoạch – Tài chính
9.	Vụ HTQT	Vụ Hợp tác quốc tế
10.	Vụ PC	Vụ Pháp chế
11.	Vụ TCCB	Vụ Tổ chức cán bộ
12.	Cục TS VTĐ	Cục Tàn số vô tuyến điện
13.	Cục QLCL CNTT-TT	Cục Quản lý chất lượng công nghệ thông tin và truyền thông
14.	Cục UDCNTT	Cục Ứng dụng công nghệ thông tin
15.	Cục BC	Cục Báo chí
16.	Cục QL PTHH&TTĐT	Cục Quản lý Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
17.	Cục TTĐN	Cục Thông tin đối ngoại
18.	Viện CLTTTT	Viện Chiến lược Thông tin và truyền thông
19.	VNNIC	Trung tâm Internet Việt Nam
20.	Trung tâm TT	Trung tâm Thông tin
21.	Trường ĐTBĐ	Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông
22.	Viện CNPM&NDS	Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam
23.	VNCERT	Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam
24.	Trường CĐVH	Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin hữu nghị Việt - Hàn
25.	VTC	Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện Việt Nam
26.	Quỹ DVVTCI	Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam